

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2024/HS-PT

Ngày: 19 - 9 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh; Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 62/2024/TLPT-HS ngày 21 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo **Nguyễn Đỗ Duy T** do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 31a/2024/HS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Đỗ Duy T**, sinh năm 2000 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: **ấp V, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre**; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn T1** và bà **Đỗ Thụy Uyên T2**; vợ **Dương Thị Cẩm D** (đã ly hôn); bị cáo chưa con; tiền án: không; tiền sự: có 01 tiền sự, tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 3795/QĐ-XPHC ngày 23/11/2022 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện M** đã xử phạt số tiền 15.000.000đồng về hành vi “Tàng trữ, sử dụng trái phép công cụ hỗ trợ” (nộp phạt ngày 19/12/2022); nhân thân: tại Bản án số 142/2017/HSST ngày 23/8/2017 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (chấp hành xong ngày 24/10/2018); tại Bản án số 30/2017/HSST ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong ngày 24/10/2018); tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 75/QĐ-XPHC ngày 17/9/2021 của Phó trưởng **Công an huyện M** đã xử phạt số tiền 2.500.000đồng về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe của người khác” (nộp phạt ngày 20/9/2023); bị cáo tại ngoại (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8/2023, **Nguyễn Đỗ Duy T** đặt mua trên mạng (Facebook) 01 khẩu súng, loại bắn đạn cao su và 10 viên đạn. Sau khi nhận súng, **T** đã bắn thử 01 viên, còn lại 09 viên. Ngày 19/9/2023, **Nguyễn Đỗ Duy T** cùng **Nguyễn Thanh V**, sinh năm: 1996, nơi thường trú: **ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre** đến tìm **Nguyễn Văn C**, sinh năm: 1971, nhà tại **ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre** để đòi tiền do **C** nợ **T**, khi đi **T** mang theo khẩu súng, có lắp 09 viên đạn. Khoảng 12 giờ cùng ngày, **V** điều khiển xe mô tô không rõ biển số (mượn của người tên **N**) chở **T** đến nhà **C** nhưng không gặp **C** mà gặp **Nguyễn Văn T3**, sinh năm: 1978 (là em ruột của **C**). Tại đây, giữa **T** và **T3** xảy ra mâu thuẫn, **T** lấy khẩu súng cất giấu trong người ra bắn 02 phát đạn trúng chân trái của **T3** và trúng ngực phải của bà **Cao Thị T4** (sinh năm 1973, đang có mặt tại đó). Sau đó, **T** đem khẩu súng về nhà mẹ vợ tại **ấp T, xã K, huyện M**, cất giấu. Khoảng 18 giờ ngày 20/9/2023, **Lê Văn T5** (sinh năm 2000, là bạn của **T**) đến lấy khẩu súng trên giao cho 02 thanh niên (không rõ danh tính), hiện tại không thu hồi được.

Vật chứng thu giữ:

Tại hiện trường nơi xảy ra sự việc, lực lượng công an thu giữ 02 (hai) vỏ đạn kim loại dài 22 mm, đít đạn cùng ký hiệu 9mm PAK YAS GLD và 01 (một) hạt nhựa màu đen, đường kính 9 mm (nghi đầu đạn), hiện đang tạm giữ.

Bà **Cao Thị T4** giao nộp: 01 (một) áo thun ngắn tay màu cam, phía trước bên phải áo có 02 (hai) vết thủng đường kính 01cm, hiện đang tạm giữ.

Nguyễn Đỗ Duy T giao nộp: 01 (một) áo khoác bằng vải dài tay, màu đen trên áo có chữ VERSACE; 01 quần sọt bằng vải Jean, túi sau bên phải có chữ TRADER, các tài sản này hiện đã giao trả cho **T**.

Tại kết luận giám định ngày 01/11/2023 của **Trung tâm Pháp y tỉnh B**, kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **Nguyễn Văn T3** tại thời điểm giám định là: 01%, cơ chế hình thành vết thương là do tác động ngoại lực; Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **Cao Thị T4** tại thời điểm giám định là: 00%.

Nguyễn Văn T3 và **Cao Thị T4** có đơn không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với **Nguyễn Đỗ Duy T**.

Tại Kết luận giám định số 6457/KL-KTHS ngày 20/11/2023 và số 895/KL-KTHS ngày 26/01/2024 của Phân viện KHHS tại Thành Phố Hồ Chí Minh, kết luận:

- 02 (hai) vỏ đạn kim loại và 01 (một) hạt nhựa màu đen gửi giám định là 02 (hai) vỏ đạn và 01 (một) đầu đạn đã bắn của loại đạn cao su cỡ (9x22)mm, thuộc nhóm công cụ hỗ trợ. 02 (hai) vỏ đạn và 01 (một) đầu đạn trên được bắn ra từ súng công cụ hỗ trợ cỡ 9mm.

- Sử dụng súng thích hợp bắn với đạn cao su cỡ (9x22)mm trúng cơ thể người có thể gây thương tích.

- 02 (hai) vết rách thủng trên áo thun gửi giám định có đặc điểm chung phù hợp do đầu đạn cao su cỡ 9mm tạo ra. Dấu vết rách thủng thứ 2 trên áo thun có đặc điểm phù hợp do đầu đạn cao su nêu trên tạo ra.

- 02 (hai) vỏ đạn gửi giám định là do cùng một khẩu súng bắn ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31a/2024/HS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo **Nguyễn Đỗ Duy T** phạm tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép công cụ hỗ trợ”. Áp dụng khoản 1 Điều 306; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đỗ Duy T** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 26/7/2024, bị cáo **Nguyễn Đỗ Duy T** kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 306; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Nguyễn Đỗ Duy T** 09 (chín) tháng tù về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép công cụ hỗ trợ”.

Bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

Về nội dung:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định rằng: **Nguyễn Đỗ Duy T** là người có một tiền sự về hành vi “Tàng trữ, sử dụng trái phép công cụ hỗ trợ” chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Vào khoảng tháng 8/2023, **T** sử dụng mạng xã hội Facebook mua 01 khẩu súng ngắn loại bắn đạn cao su và 10 viên đạn.

Sau khi nhận súng, T đã bắn thử 01 viên, còn lại 09 viên T đem cất giấu. Khoảng 12 giờ ngày 19/9/2023, tại ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre, trong lúc cự cãi với Nguyễn Văn T3, T đã sử dụng khẩu súng là công cụ hỗ trợ, có lắp 09 viên đạn bắn 02 phát đạn trúng chân ông Nguyễn Văn T3 và ngực bà Cao Thị T4 gây thương tích. Theo kết luận giám định 02 vỏ đạn kim loại và 01 đầu đạn thu giữ tại hiện trường được bắn ra từ súng công cụ hỗ trợ 9mm. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo phạm tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép công cụ hỗ trợ” theo quy định tại khoản 1 Điều 306 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm kết án đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng tù là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Đồng thời, qua xem xét quá trình hoạt động của bản thân cho thấy, bị cáo có nhân thân xấu, đã bị Tòa án kết án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Trộm cắp tài sản”; bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Xâm hại đến sức khỏe của người khác”. Đối chiếu với Điều 2 của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo không đủ điều kiện để hưởng án treo theo quy định. Trong vụ án này bị cáo thực hiện nhiều hành vi phạm tội như tàng trữ và sử dụng trái phép công cụ hỗ trợ. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với công cụ hỗ trợ, mọi hành vi xâm phạm đến chế độ quản lý Nhà nước đối với công cụ hỗ trợ đều phải bị xử lý nghiêm minh theo quy định pháp luật nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong khoảng thời gian nhất định nhằm đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa chung, góp phần ổn định về an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo theo yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

[4] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đề nghị xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng tù là có căn cứ đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 306; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đỗ Duy T** 09 (chín) tháng tù về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép công cụ hỗ trợ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: án phí hình sự phúc thẩm bị cáo **Nguyễn Đỗ Duy T** phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Bắc(3b);
- Công an và VKSND huyện Mô Cày Bắc(2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Bắc (1b);
- UBND xã Tân Hội, huyện Mô Cày Nam(1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Sơn